

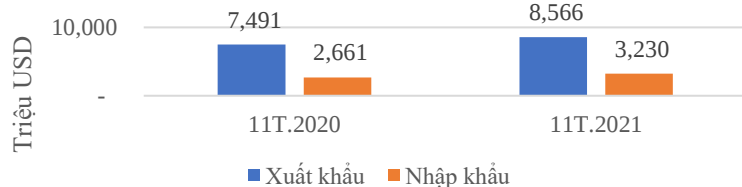
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường **TRUNG QUỐC**



TÌNH HÌNH CHUNG

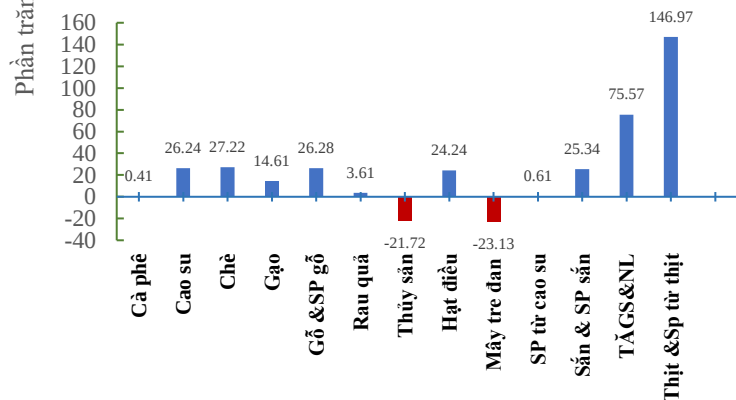
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc



So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam - Trung Quốc (11T- 2021/2020)

Xuất khẩu	▲ 14,35%
Nhập khẩu	▲ 21,35%

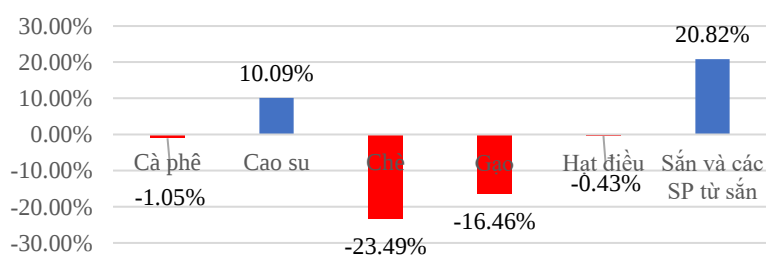
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Trung Quốc 11T-2021/20



So sánh 11T-2021/2020

Cà phê	▲ 00,41%
Cao su	▲ 26,24%
Chè	▲ 27,22%
Gạo	▲ 14,61%
Gỗ và SP gỗ	▲ 26,28%
Rau quả	▲ 06,61%
Thủy sản	▼ 21,72%
Hạt điều	▲ 24,24%
Mây tre đan	▼ 23,13%
SP từ cao su	▲ 00,61%
Sắn và SP sắn	▲ 25,34%
TĂGS và NL	▲ 75,57 %
Thịt&SP từ thịt	▲ 146,97%

Biến động giá xuất khẩu BQ T11.2021/T11.2020



So sánh giá xuất khẩu tháng 11.2021/2020

Cà phê	▼ 01,05%
Cao su	▲ 10,09%
Chè	▼ 23,49%
Gạo	▼ 16,46%
Hạt điều	▼ 00,43%
Sắn & SP sắn	▲ 20,82%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 11 tháng đầu năm 2021 đạt 8,57 tỷ USD, tăng 14,35% so với cùng kỳ năm 2020; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 3,23 tỷ USD, tăng 21,35%. Tính riêng tháng 11/2021, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 918,59 triệu USD, tăng 20,7% so với tháng trước và tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 11/2021 là cao su (chiếm 29,1%), gỗ và sản phẩm từ gỗ (chiếm 14,4%), rau quả (chiếm 13,6%), thủy sản (chiếm 13,1%), sắn và sản phẩm từ sắn (chiếm 13,1%), hạt điều (chiếm 6,6%), gạo (chiếm 3,8%). So với tháng 10/2021, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao là: sắn và sản phẩm từ sắn (tăng 55,3%), thủy sản (tăng 36,5%), thịt và sản phẩm từ thịt (tăng 24,1%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là chè (giảm 30,7%), gạo (giảm 3,6%). So với cùng kỳ, các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao là: thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 78,0%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 45,6%), cà phê (tăng 29,8%), sắn và sản phẩm từ sắn (tăng 21,3%), thủy sản (tăng 4,9%); các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là gạo (giảm 33,1%), mây tre đan (giảm 32,0%), chè (giảm 28,8%), hạt điều (giảm 17,2%), rau quả (giảm 12,6%). *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Theo báo cáo của Quảng Ninh tính đến ngày 30/12/2021, lượng hàng đã đến cửa khẩu, lối mở biên giới đường bộ, chờ làm thủ tục xuất khẩu trên địa bàn Quảng Ninh còn khoảng gần 1.600 container, và còn gần 450 phương tiện đã làm thủ tục xuất cảnh sang Trung Quốc, còn lưu lại bên Trung Quốc. Tính đến ngày 11/01/2022, Tổng lượng xe tồn tại 03 khu vực cửa khẩu tại tỉnh Lạng Sơn: Hữu Nghị, Tân Thanh, Chi Ma là 1.721 xe, trong đó: hoa quả 749 xe (So với 1.818 xe tồn tại thời điểm sáng ngày 10/01/2022, lượng tồn đã giảm 97 xe). Trong đó, Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị: thông quan xuất khẩu 70 xe (có 56 xe hoa quả), tồn 1.134 xe (Tổng số phương tiện vận chuyển hàng hoá mới từ nội địa lên: 63 xe (linh kiện điện tử, ván bóc, hoa quả), Tổng số phương tiện quay đầu về nội địa: 3 xe hoa quả; Cửa khẩu chính Chi Ma: tồn 218 xe, mặt hàng tồn chủ yếu: tinh bột sắn, chè khô, hạt vừng, cây thạch đen, ớt, sắn lát,... (có 15 xe mới từ nội địa đưa lên); Cửa khẩu phụ Tân Thanh: tồn 369 xe, mặt hàng tồn chủ yếu: hoa quả (117 xe), nông sản (hạt sen khô, hạt vừng, cây thạch đen, ớt, sắn lát,...) (Tổng số phương tiện quay đầu về nội địa: 88 xe; Tổng số phương tiện vận chuyển hàng hoá mới từ nội địa lên: 23 xe (4 xe xoài, 2 xe mít, 20 xe tinh bột sắn).

Nhằm hỗ trợ địa phương tháo gỡ khó khăn, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản số 8787/BN-BVTV ngày 24/12/2021 yêu cầu các đơn vị của Bộ, các chi Cục đóng tại các cửa khẩu với Trung Quốc và các địa phương thực hiện các nội dung: (i) Phối hợp với cơ quan y tế tại các địa phương phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp chế biến, kinh doanh và xuất khẩu nông sản tuân thủ đúng quy định phòng chống dịch “5K” cho người, phương tiện và hàng hoá nông sản xuất khẩu; chỉ hoàn tất thủ tục xuất khẩu hàng hóa nếu đảm bảo quy định “5K” và các quy định liên quan của cơ quan chức năng Trung Quốc; (ii) Phối hợp với cơ quan chức năng tại các địa phương khuyến cáo các doanh nghiệp thường xuyên kết nối thông tin với tổ công tác của tỉnh Lạng Sơn để kịp thời nắm bắt thông tin, khả năng thông quan tại các cửa khẩu để điều tiết lượng hàng xuất khẩu cho phù hợp, tránh tối đa tình trạng ùn tắc nông sản tại các cửa khẩu; (iii) Phối hợp với lực lượng Hải quan, Biên phòng chủ động trao đổi với phía Bạn để kịp thời xử lý các vấn đề của doanh nghiệp, đặc biệt việc đáp ứng các yêu cầu về phòng chống Covid-19; kịp thời báo cáo Bộ để xử lý các vấn đề phát sinh.

Nhằm giảm tải lượng xe ùn tắc tại các cửa khẩu và giảm chi phí cho doanh nghiệp trong việc bảo quản hàng nông thủy sản chờ xuất khẩu sang Trung Quốc, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản số 8721/BN-CBTTNS ngày 22/12/2021 đề nghị Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) xem xét cho phép doanh nghiệp đã đưa hàng hóa nông thủy sản đông lạnh lên các cửa khẩu chờ xuất khẩu được phép gửi hàng hóa vào các kho lạnh của hệ thống kho ngoại quan tại các tỉnh phía Bắc như Quảng Ninh, Lạng Sơn và Lào Cai để bảo quản và chờ thông quan xuất khẩu. Việc đưa xe container vào kho ngoại quan sẽ giúp giảm lượng xe ùn tắc tại cửa khẩu và giảm chi phí cho doanh nghiệp trong việc bảo quản hàng nông thủy sản chờ xuất khẩu.

Theo Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo vào tháng 10/2021, GDP Trung Quốc được ước tính đạt mức tăng trưởng 8,1% trong năm 2021, thấp hơn mức 8,5% dự báo đưa ra hồi tháng 6. WB đánh giá xuất khẩu và tiêu dùng nội địa vẫn là 2 động lực chính thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế số hai thế giới trong năm nay. Tuy nhiên, WB cũng dự báo đà tăng trưởng của Trung Quốc sẽ giảm tốc đáng kể, xuống còn 5,1% trong năm tới. Đây sẽ là tốc độ tăng trưởng chậm thứ hai của Trung Quốc kể từ năm 1990 - khi nền kinh tế lớn thứ hai thế giới này chỉ tăng 3,9%. Nguyên nhân là do chính phủ Trung Quốc đã chuyển trọng tâm từ thúc đẩy tăng trưởng sang các nỗ lực ổn định nền kinh tế và bình ổn thị trường bất động sản. Cùng với đó là tình trạng thiếu điện, dịch bệnh tái bùng phát, v.v.

Tại Hội nghị công tác kinh tế trung ương của Đảng Cộng sản Trung Quốc vào ngày 8/12/2021, Chủ tịch Tập Cận Bình cho biết Trung Quốc phải bảo đảm an ninh ngũ cốc cho 1,4 tỷ dân. Trước đó, Cục Thống kê Quốc gia (NBS) của Trung Quốc

thông báo vào ngày 6/12/2021 rằng sản lượng ngũ cốc của Trung Quốc tăng thêm 13,4 triệu tấn (tức 2%) so với năm 2020, lên mức 685 triệu tấn vào năm 2021. NBS cho biết, thời tiết cực đoan và lũ lụt đã làm sản lượng ngũ cốc của tỉnh Hà Nam giảm 2,8 triệu tấn vào năm nay (2021). Đồng thời, Trung Quốc đã nhập 130 triệu tấn lương thực trong 10 tháng đầu năm 2021. Theo Trung tâm thương mại ngũ cốc Nam Hoa Quảng Đông, Trung Quốc nhập 2,94 triệu tấn gạo vào năm 2020, tăng 15,6% so với năm 2019, trong đó có 911.400 tấn nhập từ Myanmar, 786.700 tấn nhập từ Việt Nam, 459.200 tấn nhập từ Pakistan, 324.600 tấn từ Thái Lan, 232.800 tấn từ Campuchia, và 75.000 tấn từ Lào. Trong cùng kỳ, xuất khẩu gạo của Trung Quốc (chủ yếu là sang các nước châu Phi) giảm 16,1% xuống còn 2,3 triệu tấn.

Từ ngày 1/1/2022, Trung Quốc chính thức áp dụng Lệnh 248 (Quy định Đăng ký doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm) và Lệnh 249 (Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm nhập khẩu). Theo đó, toàn bộ doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc đều phải đăng ký với Hải quan Trung Quốc và cơ quan này cũng yêu cầu các mặt hàng thực phẩm, trong đó có nông sản, nhập khẩu vào nước này sẽ phải đáp ứng quy định mới về đăng ký, kiểm tra và dán nhãn.

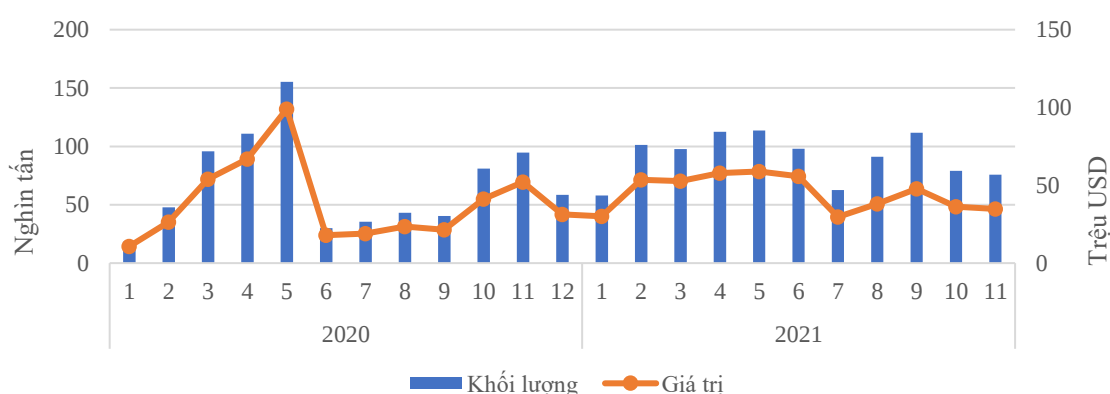
Thực chất, Trung Quốc đã cố gắng áp dụng các quy định kiểm soát thực phẩm nhập khẩu này từ nhiều năm qua, nhưng vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của các nước. Tháng 9/2017, EU đã khiếu nại quyết định này lên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Vì vậy, Trung Quốc đã dời ngày thực hiện các quy định mới từ ngày 1/10/2017 đến ngày 30/9/2019. Hạn chót lại dời một lần nữa đến 1/1/2022. Cuối tháng 10/2021, các quan chức ngoại giao từ nhiều nền kinh tế, trong đó có Mỹ, Anh, Nhật Bản, Australia, Canada, Liên minh châu Âu (EU) và Thụy Sĩ đã gửi thư cho Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) bày tỏ quan ngại và phản đối quy định này. Họ cho rằng Trung Quốc không đưa ra những hướng dẫn rõ ràng về cách thực hiện quy định mới và yêu cầu Trung Quốc trì hoãn áp dụng biện pháp trên trong ít nhất 18 tháng để tránh gây thêm gián đoạn cho chuỗi cung ứng toàn cầu vốn đang rất căng thẳng do tác động của đại dịch. Tuy nhiên, thông tin mà các bên nhận được từ nhà chức trách Trung Quốc là sẽ không có bất cứ giai đoạn ân hạn hay miễn trừ nào nữa. GACC cho biết, họ đã cân nhắc đầy đủ, tích cực chấp nhận các đề xuất hợp lý và tuân thủ nghiêm ngặt các thỏa thuận của WTO về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đồng thời khẳng định đã trả lời thắc mắc của các doanh nghiệp.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2021, Việt Nam xuất khẩu được 75,8 nghìn tấn gạo, trị giá 34,9 triệu USD sang Trung Quốc giảm 4,0% về khối lượng và 3,6% về giá trị so với tháng trước, và giảm 19,9% về khối lượng và 33,1% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2021 đạt 999,9 nghìn tấn, trị giá 494,7 triệu USD, tăng 40,4% về khối lượng và 21,0% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

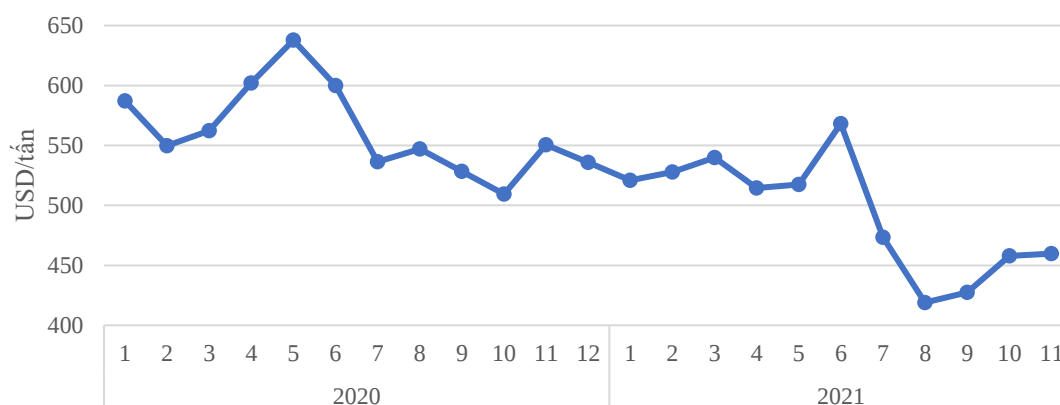
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2021 đạt 459,8 USD/tấn, tăng 0,4% so với tháng trước, nhưng giảm 16,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

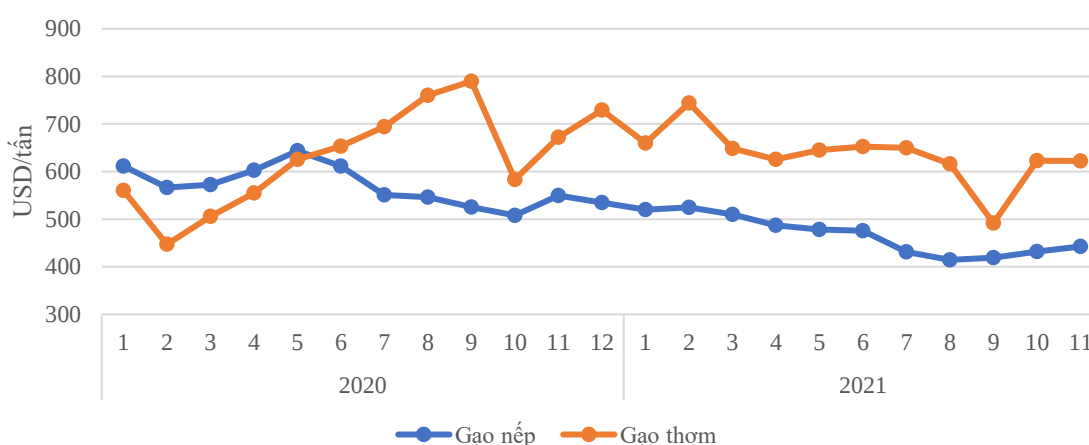


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2021, gạo nếp là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc với kim ngạch 60,2 nghìn tấn và 26,1 triệu USD (chiếm 79,4% về khối lượng và 74,9% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoài, xuất khẩu gạo nếp đã giảm 30,8% về khối lượng và 45,9% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo nếp tháng 11/2021 sang thị trường Trung Quốc đạt trung bình 442,7 USD/tấn, tăng 2,6% so với tháng trước nhưng giảm 19,4% so với cùng kỳ năm 2020. Ngoài ra, giá xuất khẩu gạo thơm đạt 622,1 USD/tấn, giảm 0,2% so với tháng trước và giảm 7,5% so với cùng kỳ năm ngoài.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc



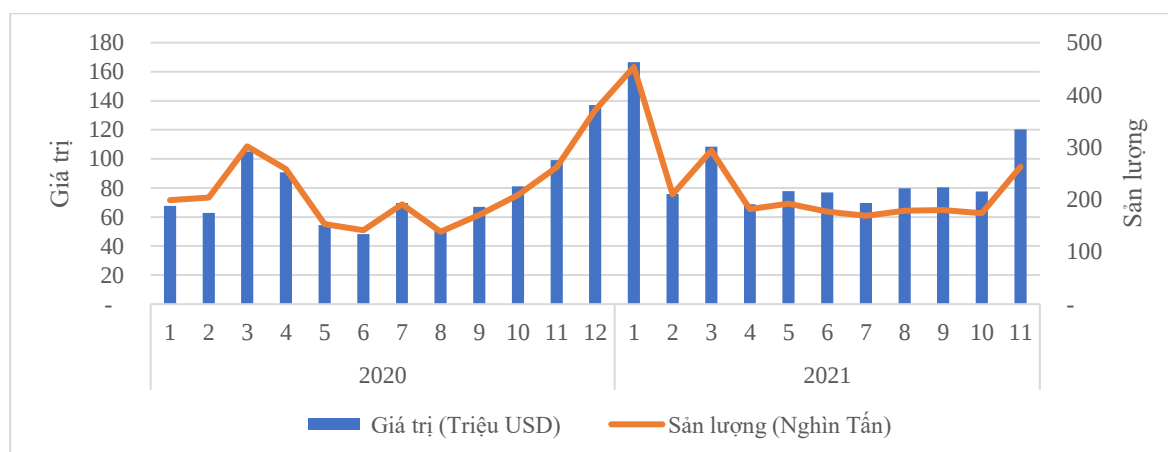
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ nông nghiệp ngành sản Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 11 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu sản lát khô của Trung Quốc đạt 5,13 triệu tấn, với giá trị nhập khẩu là 1,42 tỷ USD, tăng lần lượt là 73,26% và 108,33%. Trong đó, nguồn nhập khẩu chủ yếu là Thái Lan và Việt Nam, với khối lượng lần lượt chiếm 89,61% và 9,84% tổng lượng sản lát khô nhập khẩu của Trung Quốc.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2021, Việt Nam xuất khẩu được 262,8 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 120,4 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, tăng 51,3% về khối lượng và tăng 55,3% về giá trị so với tháng 10/2021; tăng 0,4% về khối lượng và tăng 21,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường này đạt 2,4 triệu tấn, trị giá 994,2 triệu USD, tăng 10,1% về khối lượng và tăng 25,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

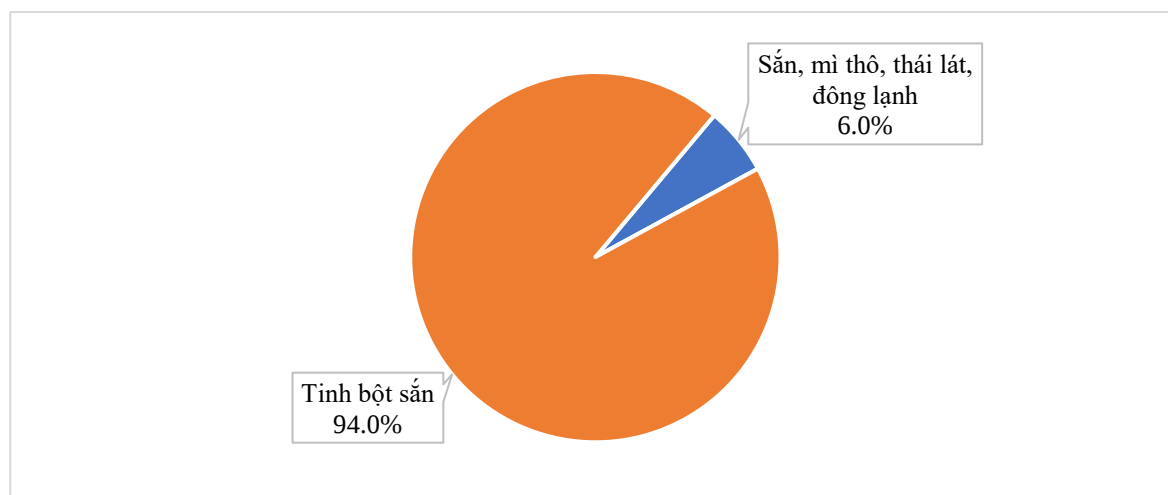
Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 95,2% về khối lượng và 95,1% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 11 năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 113,2 triệu USD, chiếm 94,0% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 21,1% so với cùng kỳ năm 2020; sắn lát, đông lạnh đạt 7,2 triệu USD (chiếm 6,0%), tăng 25,2%.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

3. RAU QUẢ

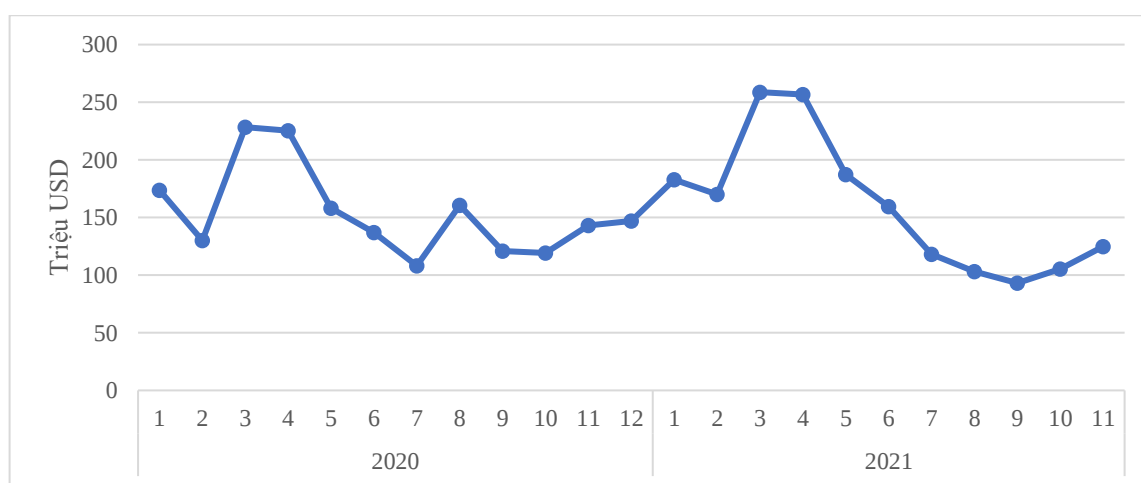
Theo Tổng cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, giá rau tươi trong tháng 11/2021 tăng đến 30,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân là do lũ lụt và thời tiết khắc nghiệt ảnh hưởng đến sản lượng nông sản của các trang trại trên khắp cả nước.

Tháng 12/2021, giá tỏi kho lạnh của Trung Quốc tiếp tục giảm, mặc dù biên độ giảm không lớn. Nguyên nhân chủ yếu là lượng tỏi tồn kho vào thời điểm đầu năm 2021 quá nhiều (ở mức 1,18 triệu tấn), cao hơn đáng kể so với lượng tồn kho đầu năm 2020. Trong khi nhu cầu tiêu thụ trong nước không dễ phục hồi do có nhiều đợt dịch Covid-19 bùng phát trong năm. Về xuất khẩu, với tác động của nhiều yếu tố như giá cước vận tải biển tăng, khó tìm container, lịch trình vận chuyển gấp gáp, lượng xuất khẩu lũy kế đã giảm so với cùng kỳ năm ngoái.

Sản lượng trái cây có múi (cam, quýt và bưởi) của Trung Quốc dự kiến tăng trong niên vụ 2021/22. Sản lượng quýt dự kiến đạt 28 triệu tấn và sản lượng cam dự báo tăng nhẹ lên mức 7,6 triệu tấn.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 11 năm 2021 đạt 124,9 triệu USD, chiếm 47,8% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 18,5% so với tháng trước và giảm 12,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 11 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 1,8 tỷ USD (chiếm 53,9% thị phần), tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc



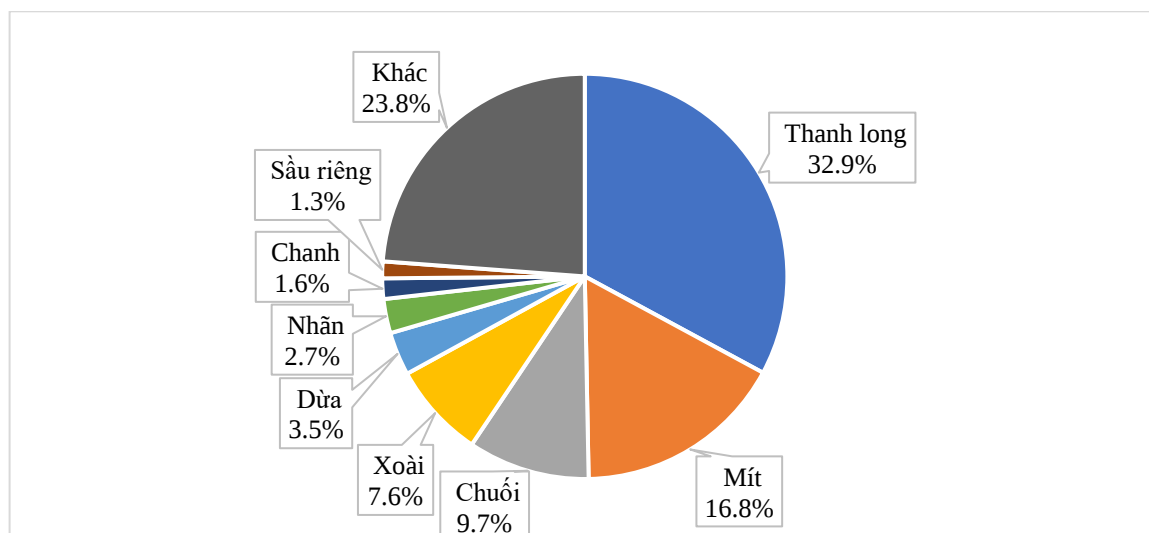
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 11 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 92,8 triệu USD (chiếm 74,4% thị phần, giảm 23,8% so với cùng kỳ năm 2020) và rau quả chế biến đạt 32,2 triệu USD (chiếm 25,7%), tăng 50,9%. So sánh với cùng kỳ năm 2020, mặt hàng trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 27,2 triệu USD, tăng 42,4%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 4,0 triệu USD, tăng 167,5%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 733,6 nghìn USD, tăng 14,4%; v.v.

Trong tháng 11 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: thanh long đạt 41,1 triệu USD (chiếm 32,9% tổng giá trị xuất khẩu rau quả

sang thị trường này), giảm 46,3% so với cùng kỳ năm 2020; mít đạt 21 triệu USD (chiếm 16,8%), tăng 47,5%; chuối đạt 12,1 triệu USD (chiếm 9,7%), tăng 40,3%; xoài đạt 9,5 triệu USD (chiếm 7,6%), giảm 48,4%; dứa đạt 4,3 triệu USD (chiếm 3,5%), tăng 27,3%; nhãn đạt 3,4 triệu USD (chiếm 2,7%), tăng 299,4%; v.v.

Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 11/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

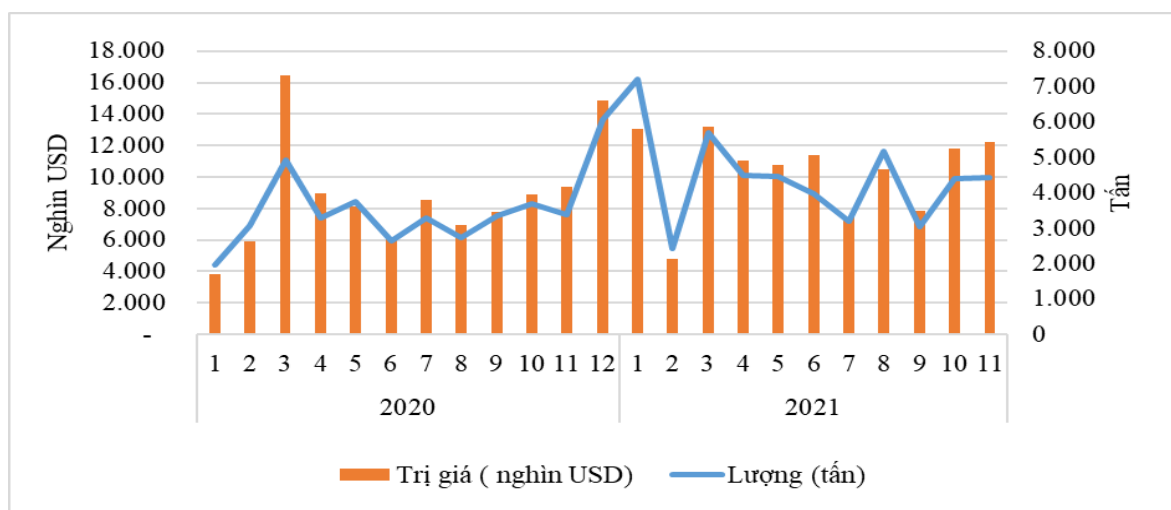
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 11 năm 2021 đạt 54,2 triệu USD, chiếm 35,8% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 33,7% so với cùng kỳ năm 2020. Giá trị nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc trong 11 tháng đầu năm 2021 đạt 417,1 triệu USD (chiếm 30,9% thị phần), tăng 31,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 11/2021, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: tỏi đạt 11,0 triệu USD (chiếm 20,4% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 42,6% so với cùng kỳ năm trước; nấm các loại đạt 9,1 triệu USD (chiếm 16,9%), tăng 54,4%; táo đạt 4,2 triệu USD (chiếm 7,8%), tăng 100,1%; cà rốt đạt 3,9 triệu USD (chiếm 7,2%), tăng 35,0%; nho đạt 3,5 triệu USD (chiếm 6,4%), tăng 142,1%; khoai tây đạt 2,9 triệu USD (chiếm 5,4%), tăng 32,0%; v.v.

4. CÀ PHÊ

Trung Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 13 của Việt Nam, chiếm khoảng 5% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 11/2021 đạt 4,43 nghìn tấn, trị giá 12,19 triệu USD, tăng 1,05% về lượng và tăng 3,15% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu cà phê tăng 31,19% về lượng và tăng 29,82% về giá trị.

Lũy kế 11 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu đạt 48,43 nghìn tấn, trị giá 113,93 triệu USD, giảm 25,37% về lượng và giảm 20,24% về giá trị so với cùng kỳ.

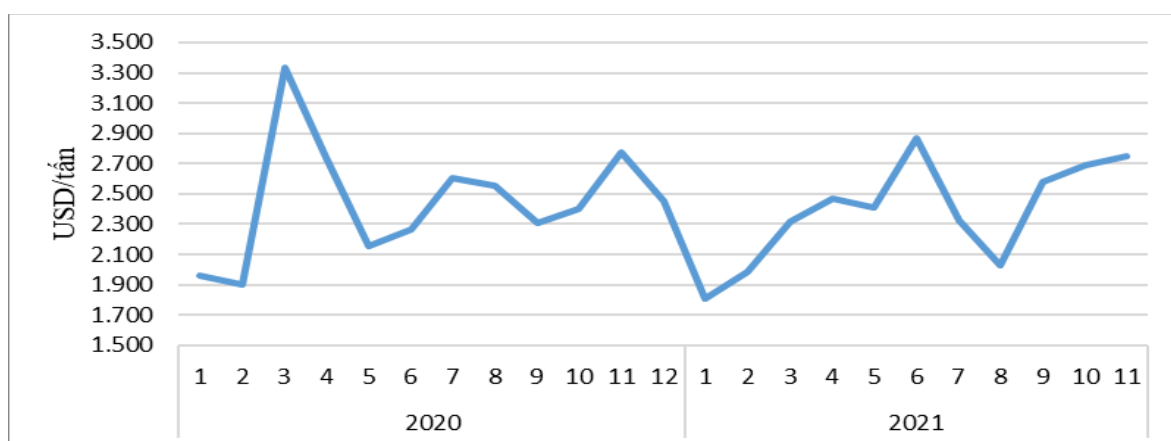
Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc là 2.748 USD/tấn, tăng 2,08% so với tháng trước và giảm 1,05% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc



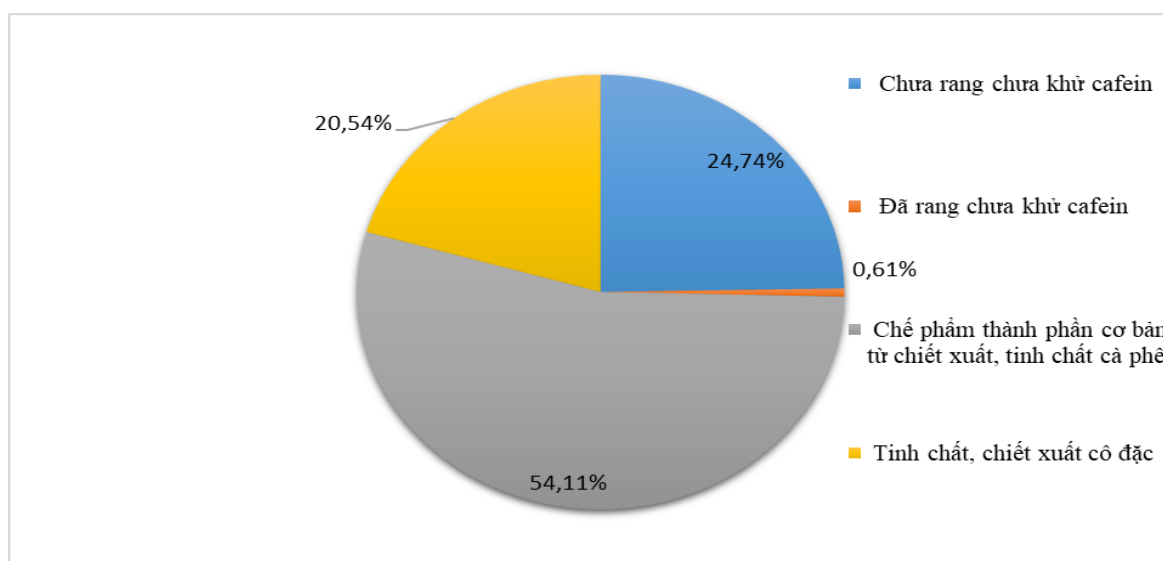
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, tháng 11/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 25,35%, cà phê hòa tan, tinh chất, chiết xuất chiếm tỷ trọng 74,65%. Tỷ trọng cà phê chế biến đã tăng 3,89% so với cùng kỳ năm 2020. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 10/2021 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử cafein đạt 3,02 triệu USD, chiếm tỷ trọng 24,74%, tăng 19,23% so cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê

đạt 6,59 triệu USD, chiếm tỷ trọng 54,11%, tăng 44,92% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 2,5 triệu USD, chiếm 20,54%, tăng 19,63% so cùng kỳ.

Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc

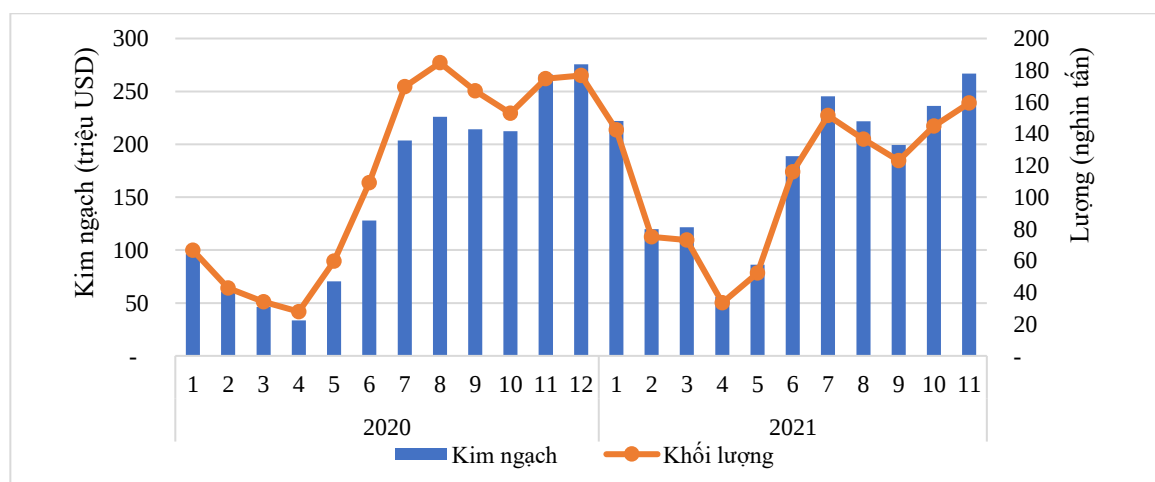


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc ước đạt 159,2 nghìn tấn với trị giá 266,9 triệu USD, tăng 9,9% về khối lượng và 12,9% về giá trị so tháng trước, và giảm 8,9% về khối lượng nhưng tăng nhẹ 0,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

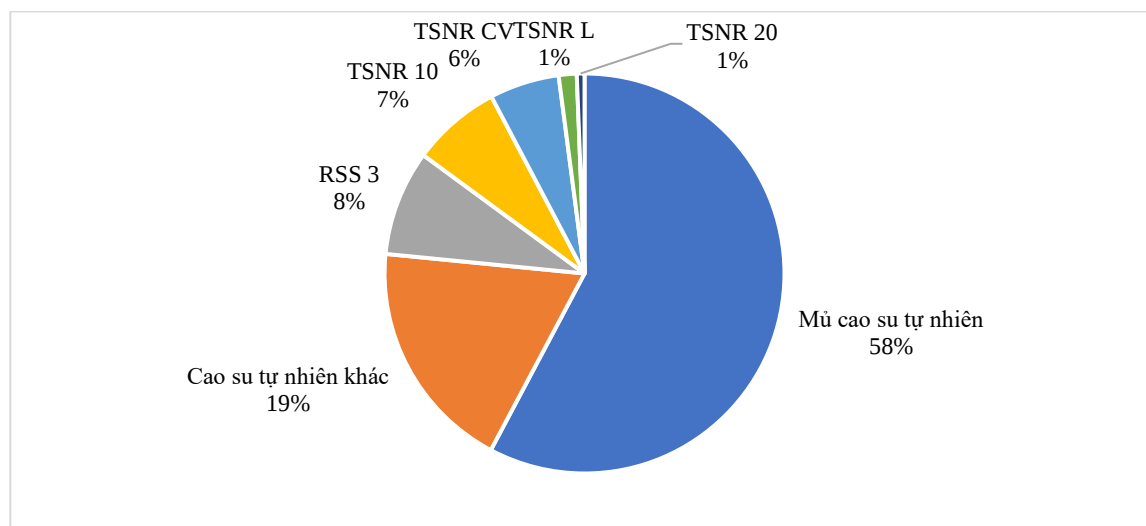
Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 19,7 triệu USD, chiếm 57,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm cao su xông khói RSS 3 với kim ngạch 2,9 triệu USD, chiếm 8,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 và TSNR CV chiếm lần lượt 7,2% và 5,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

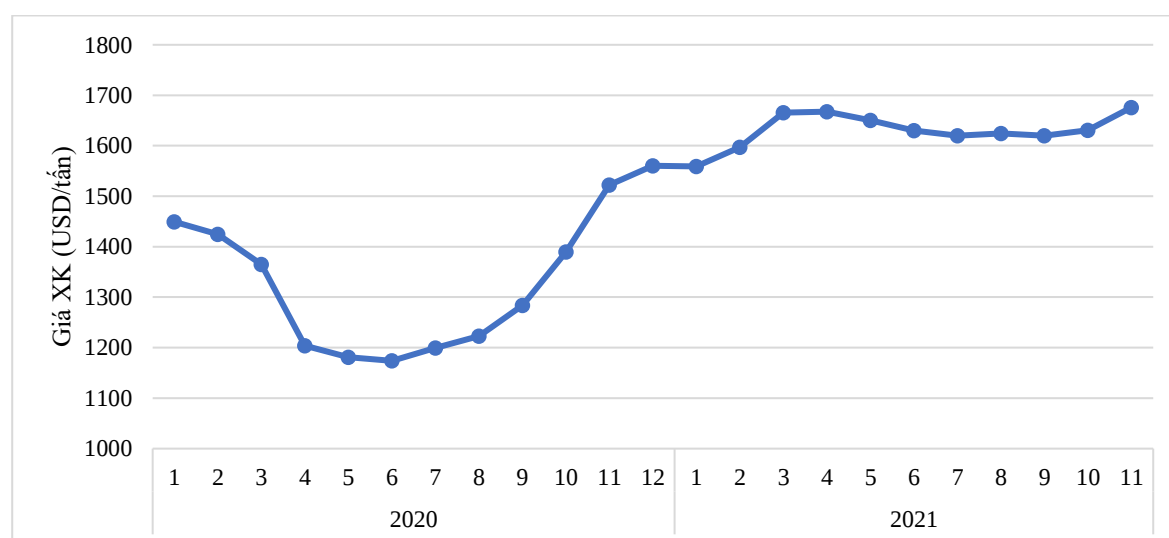
Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 11/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2021 đạt mức 1.676 USD/tấn, tăng nhẹ 2,8% so với tháng trước và tăng 10,1% so với cùng kỳ 2020.

Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

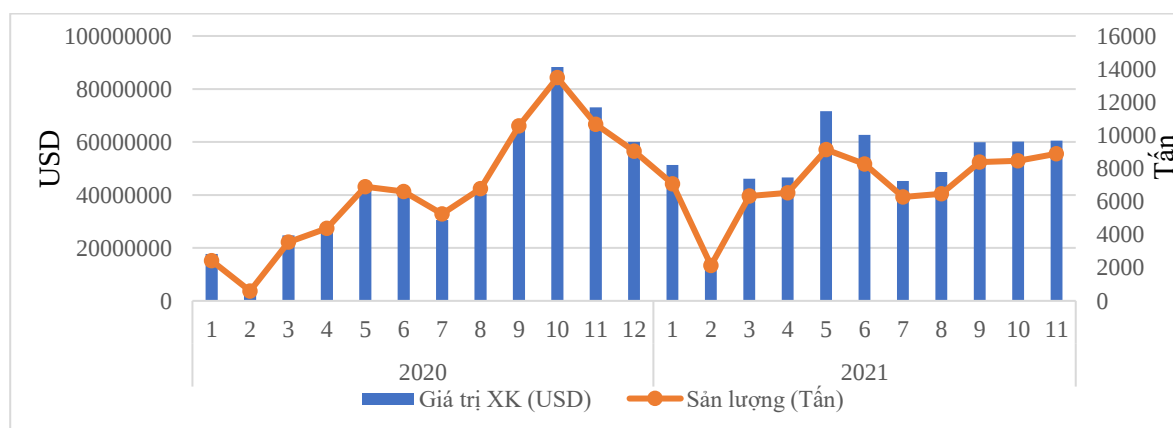


Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2021, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 8,9 nghìn tấn, trị giá 60,5 triệu USD, giảm 16,8% về khối lượng và 17,2% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 568,3 triệu USD, tương ứng với 78 nghìn tấn, tăng 24,2% về giá trị và 9,5% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

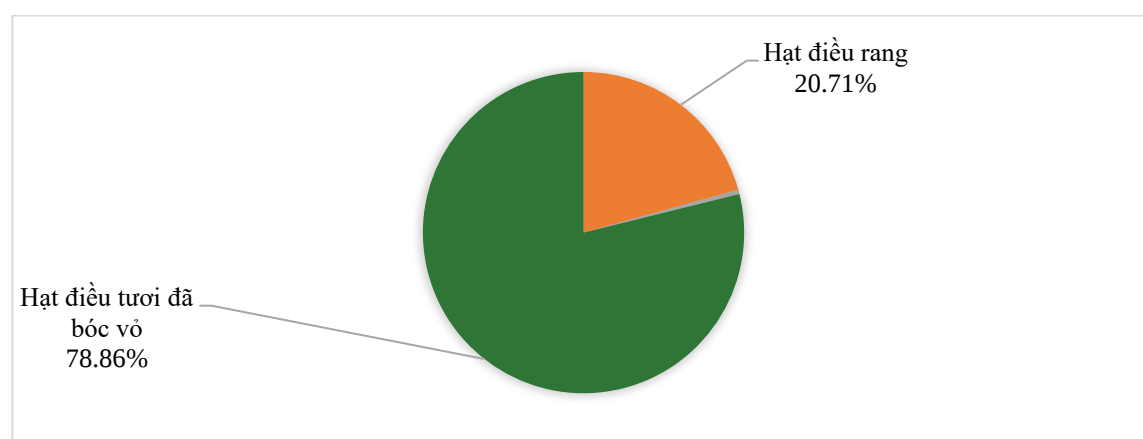
Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

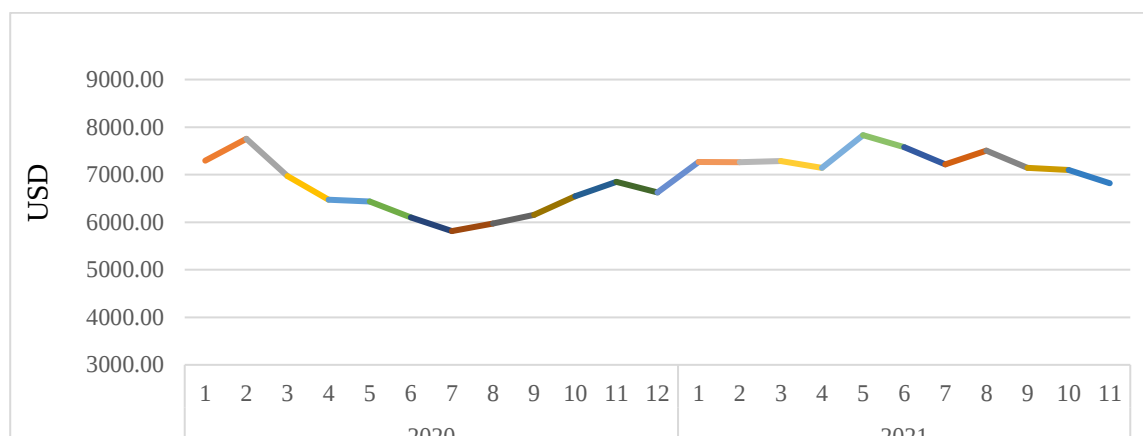
Xuất khẩu hạt điều sang thị trường này tiếp tục ổn định. So với tháng 10/2021, xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc tăng 0,7% về giá trị và 4,9% về sản lượng. Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 78,9%; hạt điều rang chiếm 20,7%.

Hình 15: Cơ cấu giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2021 tiếp tục giảm mạnh. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 6.819 USD/tấn, giảm 3,9% so với tháng trước và 0,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 6,2 USD/kg tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước; điều rang đạt 11,5 USD/Kg, tăng 32,8% so với cùng kỳ năm trước.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

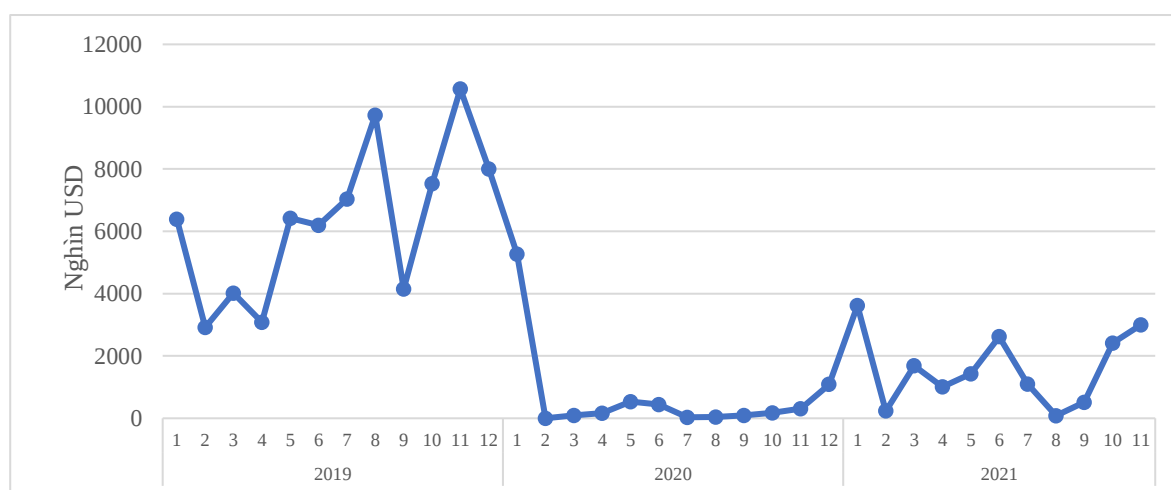
Theo dự báo của FAO, sản lượng thịt lợn toàn cầu năm 2021 sẽ đạt 122 triệu tấn, tăng 11,2% so với năm 2020. Trong đó, thị trường Trung Quốc dự kiến tăng 12 triệu tấn, chiếm 94% mức tăng toàn cầu. Sau khi bị tiêu hủy hàng triệu con lợn do dịch tả lợn châu Phi từ năm 2018 đến năm 2020, sản lượng thịt lợn của Trung Quốc tăng cao do giết mổ hàng loạt nhằm giảm thiệt hại do giá nội địa giảm. Tổng lượng thịt lợn xuất khẩu trên thế giới năm 2021 được dự báo sẽ đạt 12,9 triệu tấn, ổn định so với năm 2020. Nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc có khả năng giảm 13%, do nước này đặt mục tiêu cân bằng nguồn cung với nhu cầu trong nước.

Giá heo hơi trung bình tại Trung Quốc tiếp tục tăng trong tháng 11, với mức tăng 11% lên 18,2 nhân dân tệ/kg (NDT/kg). Trong tháng có thời điểm giá lên cao nhất là 18,6 NDT/kg. Sự phục hồi về giá được cho là nhờ nhu cầu tiêu thụ tăng trở lại theo mùa và các dịp lễ cuối năm.

Nhập khẩu các loại thịt của Trung Quốc tiếp tục giảm trong tháng 11/2021. Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 11/2021, Trung Quốc nhập khẩu 677 nghìn tấn thịt (bao gồm cả nội tạng), trị giá 2,4 tỷ USD, giảm 12,6% về lượng, nhưng tăng 2,5% về trị giá so với tháng 11/2020, đây là tháng thứ 7 liên tiếp nhập khẩu thịt của Trung Quốc giảm. Lũy kế 11 tháng năm 2021, Trung Quốc nhập khẩu 8,72 triệu tấn thịt, trị giá 29,64 tỷ USD, giảm 2,5% về lượng, nhưng tăng 7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Tây Ban Nha, Hoa Kỳ, Ác-hen-ti-na và Đan Mạch.

Trong tháng 11/2021, xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tăng trở lại, đạt giá trị 3.004,2 nghìn USD, tăng 9,8 lần so với tháng 10/2021. Tổng giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm sang thị trường Trung Quốc đạt 17,7 triệu USD, tăng 147% so với cùng kỳ năm 2020.

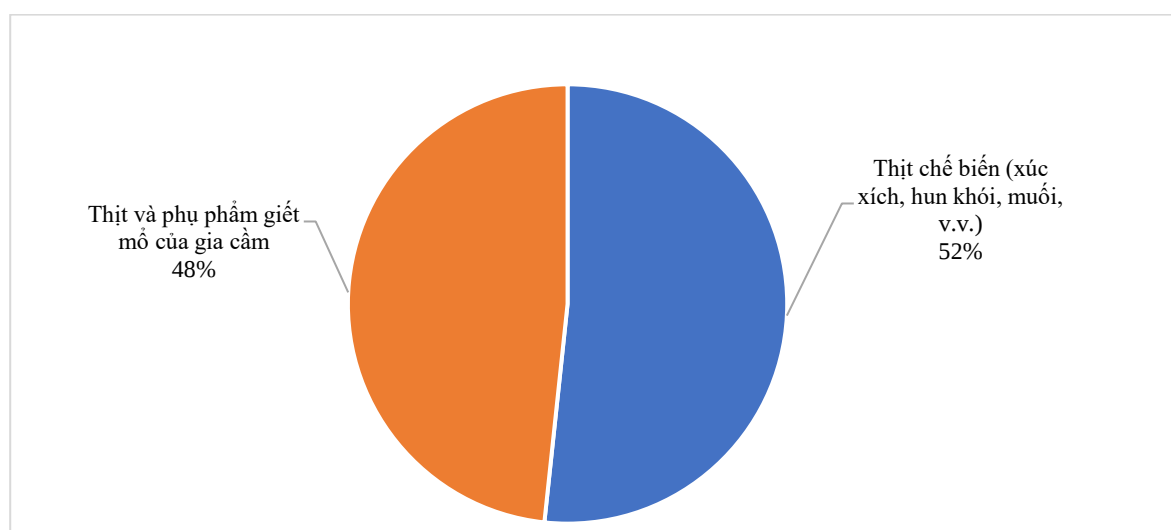
Hình 17: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 11 là thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối ...) đạt 1.552,6 nghìn USD, chiếm 51,7% tổng giá trị thịt và sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu sang thị trường này, tăng 27,9% so với tháng trước; thịt và phụ phẩm giết mổ gia cầm đạt 1.451,5 nghìn USD, chiếm 48,3% và tăng 20,3%

Hình 18. Cơ cấu thị và sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Trong khi đó, về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 11/2021 giảm mạnh so với 1 tháng trước đó và đạt 477,5 nghìn USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt của Việt Nam từ Trung Quốc đạt 4,56 triệu USD, giảm 16,3% cùng kỳ năm 2020. Sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc là ba ba sống các loại.

8. THỦY SẢN

Theo số liệu thống kê của ITC, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn thứ 2, đạt 9,7 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2021, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng vẫn giảm tới 12,8% so với cùng kỳ năm 2019. Tháng 10 và tháng 11/2021, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm 2020, nhưng vẫn giảm so với cùng kỳ năm 2019. Tháng 11/2021, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc đạt 1,49 tỷ USD, tăng 39,8% so với tháng 11/2020, nhưng giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Sản lượng tôm của Trung Quốc năm 2021 dự kiến tăng 9,1% so với năm 2020; sản lượng năm 2022 dự kiến tiếp tục tăng, đạt khoảng 600 nghìn tấn. Bên cạnh đó, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Ê-cu-a-đo. Tháng 10/2021, xuất khẩu tôm Ê-cu-a-đo sang Trung Quốc đạt 33.998 tấn; giá xuất khẩu trung bình đạt 6,68 USD/kg, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2020.

Theo tờ Phnom Penh Post, chính phủ Trung Quốc sắp mở cửa cho cá tra xuất khẩu của Căm-pu-chia. Các sản phẩm cá tra của Căm-pu-chia được cho là gần với loài cá tra nuôi phổ biến tại Việt Nam. Việc nhập khẩu cá tra Căm-pu-chia có thể bắt đầu ngay sau khi các cơ quan chức năng của Trung Quốc tiến hành kiểm tra an toàn vệ sinh tại các cơ sở sản xuất cá tra liên quan.

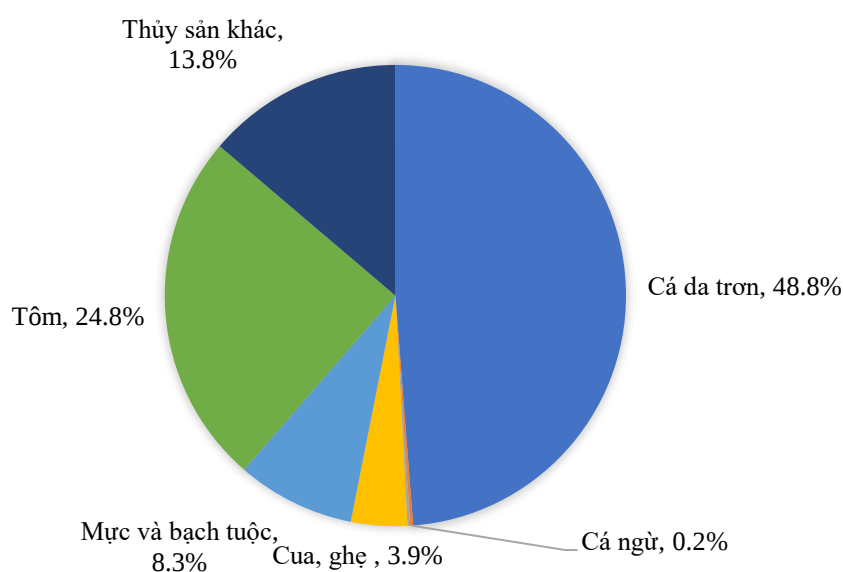
Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2021 đạt 120,5 triệu USD, tăng 4,9 % so với cùng kỳ năm trước, và tăng 31,3% so với tháng 10/2021, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 10 tháng đầu năm sang thị trường này đạt khoảng 866,9 triệu USD, giảm 23,7% so với cùng kỳ năm trước. Tôm và cá da trơn vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 24,8 %; cá da trơn chiếm 48,8%.

Hình 19. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc

ĐVT: Triệu USD

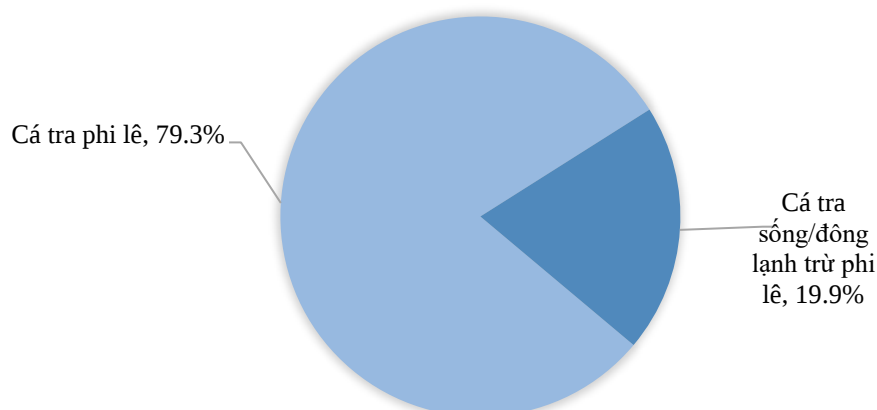
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Mực và bạch tuộc là mặt hàng có giá trị xuất khẩu tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước ở thị trường này, tăng 136,3%; cá da trơn tăng 11%.

Hình 20. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 11/2021*Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan*

Cá da trơn vẫn là mặt hàng có giá trị xuất khẩu giữa được đà tăng trưởng từ tháng 10/2021. Giá trị xuất khẩu cá da trơn trong tháng này, đạt 57,8 triệu USD, chiếm 48,8% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước và tăng 11,3% so với tháng 10/2021.

Hình 21. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2021

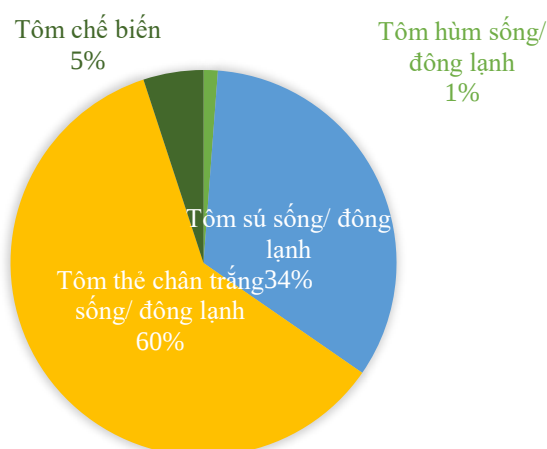


Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Cá da trơn xuất sang Trung Quốc 100% là cá da trơn. Trong đó, cá tra phi lê chiếm tới 79,3%, đạt 46,6 triệu USD, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước và tăng 108,9% so với tháng trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 19,9%, đạt 11,7 triệu USD, tăng 114,3% so với năm 2020 và tăng 112,1% so với tháng 10/2021.

Tháng 11/2021, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này có xu hướng giảm chỉ đạt 29,9 triệu USD, giảm 8,6% so với cùng kỳ năm trước, Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 17,9 triệu USD, chiếm 60% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 1,5 triệu USD, chiếm 5%, giảm 38.2%; tôm hùm sống/đông lạnh đạt 0,4 triệu USD, chiếm 1,2%, giảm 93,7% và tôm sú sống/đông lạnh đạt 9,9 triệu USD, chiếm 33,3%, tăng 37,6% .

Hình 22. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số loại thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường này tháng 11/2021 như sau: mực và bạch tuộc đạt 10 triệu USD, chiếm 8,3% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc và tăng 136,3% so với cùng kỳ năm trước; cua – ghẹ đạt 4,7 triệu, chiếm 3,9%, tăng 9,4%; thủy sản khác đạt 16,6 triệu USD, chiếm 13,8%, giảm 10,9%.

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 11/2021 như sau: cá da trơn đạt 2,1 USD/kg, tăng 29% so với cùng kỳ năm trước và 4,8% so với tháng 10/2021. Tôm đạt 8 USD/kg, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 5,1% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 11/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,1	29,0%	4,8%
2	Cua, ghẹ	2,1	13,2%	-1,3%
3	Mực và bạch tuộc	7,2	-4,2%	9,1%
4	Tôm	2,9	-24,5%	18,5%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo nguồn Wood365.cn, nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 79,5 triệu m³, trị giá 14,405 tỷ USD, tăng 0,1% về lượng và tăng 20,8% về trị giá, đơn giá bình quân tại cảng đạt 181 USD/m³, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2020.

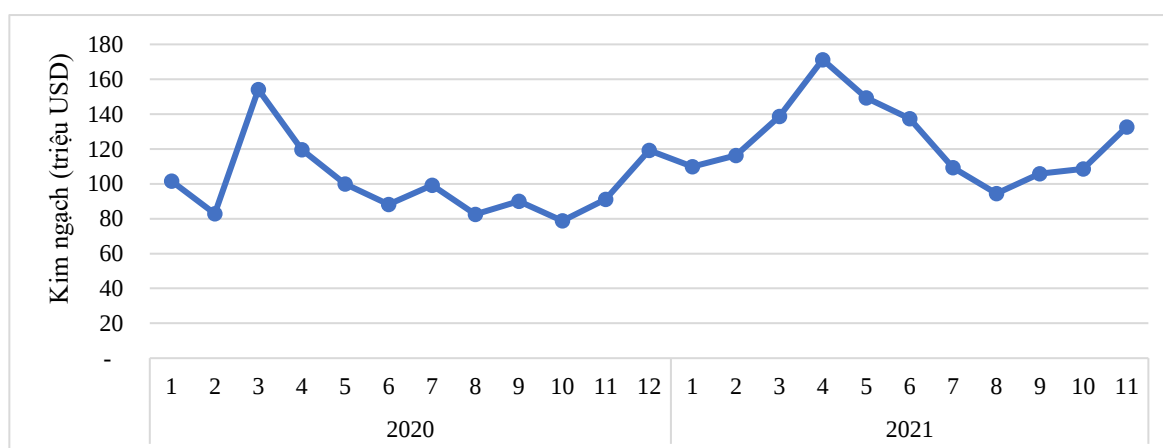
Một trong những thay đổi của nhập khẩu gỗ là nguồn gỗ thay đổi. Theo đó, nguồn gỗ nhập khẩu chính của Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2021 là từ Nga chiếm 25,5% tổng lượng gỗ nhập khẩu; tiếp theo là Châu Âu chiếm 24,2%; New Zealand chiếm 19,3%. Thị phần gỗ của Bắc Mỹ giảm dần theo từng năm, chiếm 21,2% vào năm 2016, chiếm 19,2% vào năm 2017, 16,7% vào năm 2018, 13,2% vào năm 2019 và 10,4% vào năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu gỗ xẻ trong quý III/2021 đạt 21,91 triệu m³ với giá trị 5,792 tỷ USD, giảm 19% về khối lượng và 2% về giá trị. Sự suy giảm nhập khẩu gỗ xẻ là do nguồn cung từ các quốc gia Nga, Canada, Hoa Kỳ,

Phân Lan và Đức đã giảm lần lượt 13%, 54%, 42%, 32% và 48%. Nhập khẩu từ các quốc gia này chiếm hơn 60% tổng nhập khẩu gỗ xẻ của Trung Quốc.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 132,6 triệu USD, tăng 22,1% so với tháng trước và 45,6% so với cùng kỳ năm 2020.

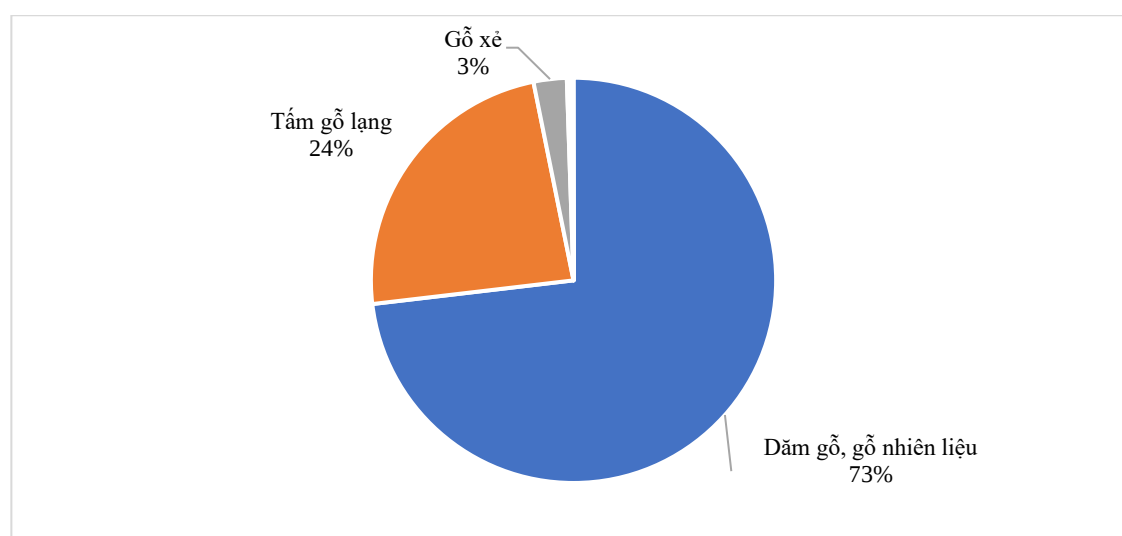
Hình 23: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2021, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 89,4 triệu USD, chiếm 73,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 29,0 triệu USD, chiếm 23,7% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 2,6% và 0,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 24: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 11/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Theo ước tính sơ bộ của USDA, năm 2021, Trung Quốc nhập khẩu khoảng 4,5 triệu tấn tăng khoảng 40,6% so với năm 2020. Nguyên nhân chính là do trong năm 2021 giá ngô tại Trung Quốc tăng vọt khiến nước này phải định hướng sử dụng lúa mỳ, gạo để thay thế ngô trong chế biến thức ăn chăn nuôi. Đây cũng là một động lực khiến cho Trung Quốc tăng cường nhập khẩu trong năm 2021. USDA dự báo trong năm 2022, mức nhập khẩu của Trung Quốc vẫn sẽ duy trì ở mức cao là 4,5 triệu tấn, tương đương với mức ước tính sơ bộ của năm 2021.

2. Cà phê

Theo dự báo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ ra vào tháng 12/2021, niên vụ 2021/2022 nhập khẩu cà phê của Trung Quốc đứng thứ 8 toàn cầu đạt mức không đổi so với niên vụ trước là 3.350 nghìn bao, trong đó nhập khẩu cà phê rang xay là 300 nghìn bao, nhập khẩu cà phê hòa tan chỉ đứng thứ 2 sau Philippin với khối lượng không đổi là 1,8 triệu bao.

3. Rau quả

Cục Xuất nhập khẩu nhận định đà tăng trưởng của ngành rau quả đang bị cản trở bởi thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc siết chặt kiểm soát dịch COVID-19 theo chiến lược "Zero Covid". Điều này khiến vận tải hàng hóa bị gián đoạn, gây áp lực lên hệ thống cửa khẩu và cảng biển. Cùng với những rào cản về kỹ thuật, thuế quan, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường này sẽ khó khăn vào cuối năm và quý I/2022.

Theo ông Đặng Phúc Nguyên, Tổng Thư ký Hiệp hội rau quả Việt Nam, xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc gặp khó ít nhất trong 3-6 tuần dịp Tết Nguyên đán 2022. Nguyên nhân là do các thủy thủ, nhân viên hải quan Trung Quốc sẽ về quê nghỉ Tết và bị cách ly nên các hãng tàu, cửa khẩu thiếu lao động sẽ tạm nghỉ trong 3-6 tuần và sẽ không thể nhận hàng.

4. Thủy sản

Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) cho biết sẽ tăng cường kiểm tra đối với thủy sản chuỗi lạnh. Cho đến ngày 29/10/2021, GACC đã kiểm tra hơn 400 nhà sản xuất thực phẩm chuỗi lạnh quốc tế và đình chỉ 154 công ty nhập khẩu do lây nhiễm từ các nhân viên. GACC đã lấy khoảng 3,2 triệu mẫu thực phẩm nhập khẩu, trong đó có 499 mẫu dương tính với Covid. GACC cũng đã đình chỉ nhập khẩu đối với 221 công ty quốc tế từ 1-4 tuần sau khi phát hiện các bao bì sản phẩm của họ

dương tính với Covid. Ngoài ra, ngành sản xuất và xuất khẩu thủy sản Trung Quốc bị ảnh hưởng giảm bởi dịch Covid nên dường như nước này cũng muốn bảo hộ cho các sản phẩm thủy sản nội địa, nên tìm cách hạn chế nhập khẩu. Trung Quốc cũng đã và đang tăng cường truyền thông mạnh người dân sử dụng sản phẩm của Trung quốc.

Trước những tình hình trên, dự báo xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Trung Quốc tiếp tục giảm sâu 3 tháng cuối năm, đạt 242 triệu USD trong quý IV, giảm 40%. Theo đó, dự báo xuất khẩu thủy sản sang thị trường này cả năm 2021 đạt khoảng 1 tỷ USD, giảm 26%.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 11/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 11.2021 (USD)	Tăng/giảm so T10/2021	Tăng/giảm so T11/2020	Tỷ trọng (%)
	Tổng XK NLTS	918.591.107	20,7%	4,5%	100,0%
1	Cà phê	12.196.659	3,2%	29,8%	1,3%
2	Cao su	266.883.461	12,9%	0,3%	29,1%
3	Chè	607.086	-30,7%	-28,8%	0,1%
4	Gạo	34.865.935	-3,6%	-33,1%	3,8%
5	Gỗ và SP Gỗ	132.624.574	22,1%	45,6%	14,4%
6	Rau quả	124.913.677	18,5%	-12,6%	13,6%
7	Hàng thủy sản	120.451.988	36,5%	4,9%	13,1%
8	Hạt điều	60.536.236	0,7%	-17,2%	6,6%
9	Mây tre đan	724.244	0,3%	-32,0%	0,1%
10	SP từ cao su	7.697.005	19,2%	-13,4%	0,8%
11	Sắn & SP sắn	120.368.303	55,3%	21,3%	13,1%
12	TĂGS & NL	33.717.735	29,5%	78,0%	3,7%
13	Thịt & SP Thịt	3.004.204	24,1%	878,0%	0,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 11/2021

Loại sản phẩm	Tháng 11/2020		Tháng 11/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo nếp	89.524	49.188.463	65.225	28.788.254	-27,1%	-41,5%
Gạo thơm	3.206	1.930.713	7.499	4.663.649	133,9%	141,6%
Các loại gạo khác	1.958	998.591	3.106	1.414.032	58,6%	41,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 11/2021

Mặt hàng	T11/2020 (USD)	T11/2021 (USD)	So sánh T11/2020 và T11/2021
Tổng	9.395	12.197	29,82%
Chưa rang chưa khử cafein	2.531	3.017	19,23%
Đã rang chưa khử cafein	216	75	-65,40%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	4.554	6.599	44,92%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	2.094	2.506	19,63%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 11/2021

Sản phẩm	T11/2020 (USD)	T11/2021 (USD)	So sánh T11.2021/T11.2020
Tổng giá trị XK	142.997.742	124.913.677	-12,6%
Thanh long	76.519.440	41.080.155	-46,3%
Mít	14.237.348	20.995.935	47,5%
Chuối	8.656.695	12.147.560	40,3%
Xoài	18.432.957	9.502.789	-48,4%
Dừa	3.391.193	4.316.014	27,3%
Nhãn	853.298	3.408.338	299,4%
Chanh	1.304.662	2.044.451	56,7%
Sầu riêng	839.603	1.674.264	99,4%
Dưa hấu	537.787	620.025	15,3%
Vải	202	64.744	32015,3%
Măng cụt		60.000	
Khác	18.224.559	28.999.401	59,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2021

Sản phẩm	T11.2020 (USD)	T11.2021 (USD)	So sánh T11.2021/T11.2020
Tổng giá trị XK	99.232.409	120.368.303	21,3%
Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	5.721.985	7.162.827	25,2%
Tinh bột sắn	93.510.424	113.205.476	21,1%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 11/2021 (USD)	Tháng 11/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	58.745.057,2	52.930.983,4	58.745.057,2
Cá ngừ	247.826,3	270.433,4	247.826,3
Cá rô phi	227.798,4	1.109.332,0	227.798,4
Cua, ghẹ	4.746.801,4	4.942.931,4	4.746.801,4
Mực và bạch tuộc	9.974.734,9	4.222.090,8	9.974.734,9
Tôm	29.903.514,7	32.715.652,3	29.903.514,7
Thủy sản khác	16.606.255,0	18.647.529,8	16.606.255,0
Tổng	120.451.988	114.838.953	120.451.988,0

Nguồn: Tổng cục Hải quan